

PHÂN CẤP TÀI KHÓA VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: MINH CHỨNG Ở VIỆT NAM

Ngày nhận bài: 12/10/2014

Ngày nhận lại: 17/11/2014

Ngày duyệt đăng: 26/03/2015

Trần Phạm Khánh Toàn¹

TÓM TẮT

Tác động của phân cấp tài khóa lên tăng trưởng kinh tế là chủ đề được tranh luận trong lý thuyết kinh tế và nghiên cứu thực nghiệm. Bài nghiên cứu phân tích tác động của phân cấp tài khóa đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong giai đoạn 1998-2012. Qua phân tích hồi quy dữ liệu bảng, bằng phương pháp GLS cho thấy phân cấp chi ngân sách có tác động ngược chiều và tuyến tính đến tăng trưởng kinh tế; trong khi phân cấp thu ngân sách thì ngược lại. Ngoài ra, trong quá trình phân tích, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, lực lượng lao động, đầu tư tư nhân tác động cùng chiều lên tăng trưởng kinh tế và lạm phát có quan hệ nghịch chiều.

Từ khóa: phân cấp, phân cấp tài khóa, tăng trưởng kinh tế, Việt Nam.

ABSTRACT

Impacts of fiscal decentralization on economic growth have been discussed in many theoretical and empirical studies. This study analyses the impacts of fiscal decentralization on economic growth in Vietnam during 1998-2012. By employing panel data with GLS method, the research shows that expenditure decentralization has negative effect, while revenue decentralization has positive effect. In addition, the research demonstrates that labour forces, private investments positively correlated with economic growth while inflation is not.

Keywords: decentralization, fiscal decentralization, economic growth, Vietnam.

1. Giới thiệu

Tăng trưởng kinh tế và các chính sách tài khóa hợp lý sẽ quyết định phúc lợi xã hội của một quốc gia. Phi tập trung hóa - sự chuyển giao các quyền lực về chính trị, tài chính cho chính quyền địa phương nổi lên như một trong những chính sách tài khóa quốc gia quan trọng để tiến hành phân bổ nguồn lực, tăng cường phát triển kinh tế dựa vào sự lợi thế về thông tin của chính quyền cấp dưới so với chính quyền trung ương. Ngoài ra, phân cấp tài khóa tuy có tính chất địa phương nhưng cũng góp phần vào việc khắc phục suy thoái kinh tế (Innocents, 2011).

Tuy nhiên, vai trò của phân cấp tài khóa đối với tăng trưởng kinh tế còn là một chủ đề gây nhiều tranh cãi và cần thêm nhiều nghiên

cứu (Morgan, 2002). Một số nhà nghiên cứu cho rằng tác động của phân cấp tài khóa lên tăng trưởng kinh tế là tiêu cực hoặc không có mối liên hệ (Davoodi & Zou, 1998; Baskaran & Feld, 2009), trong khi một số nhà nghiên cứu khác lại tin rằng có tác động tích cực lên tăng trưởng kinh tế (Imi, 2005).

Ở Việt Nam, kể từ khi tiến hành chính sách Đổi mới kinh tế 1986, và đặc biệt sau khi có Luật Ngân sách nhà nước năm 1996 và sửa đổi năm 2002, Chính phủ đã tiến hành cải cách chính sách tài khóa sâu rộng, đổi mới phân cấp quản lý tài khóa với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững trong dài hạn. Luật Ngân sách nhà nước 2002 đã tạo nhiều quyền hạn hơn trong quản lý các hoạt động chi tiêu tại chính quyền các cấp tại địa phương, cụ thể là Ủy ban nhân dân các cấp nhằm gia tăng tính chủ động,

¹ ThS, Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Email: khanhtoan014@gmail.com

tính hiệu quả phân bổ cho từng địa phương.

Với dữ liệu thu thập từ các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trong giai đoạn 1998-2012, mục tiêu của nghiên cứu nhằm phân tích tác động của phân cấp tài khóa lên tăng trưởng kinh tế.

2. Cơ sở lý thuyết

Phân cấp được hiểu là một quá trình chuyển giao trách nhiệm và quyền hạn từ chính quyền trung ương cho chính quyền địa phương hay khu vực tư nhân (World Bank, 2001). Phân cấp tài khóa liên quan đến sự phân phối nguồn lực công giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương trong đó nhấn mạnh hai vấn đề cơ bản là sự phân chia nguồn thu và nhiệm vụ chi (Davey, 2003). Theo Hanai và Huyen (2004), phân cấp tài khóa có thể định nghĩa là sự phân công trách nhiệm và quyền hạn, cũng như lợi ích, giữa các cấp khác nhau của chính quyền về quản lý và thực hiện ngân sách.

Mục đích của phân cấp tài khóa là tăng hiệu quả phân bổ đầu tư. Stigler (1957) cho rằng “một chính phủ đại diện hoạt động tốt nhất khi nó ở gần dân nhất” và “người dân có quyền quyết định cho loại hình và số lượng dịch vụ công mà họ cần”. Còn Olson (1969) đề xuất “nguyên lý tài khóa tương đương” có nghĩa là phạm vi của quyền hạn và lợi ích của dịch vụ công phải trùng nhau nhằm đảm bảo lợi ích biên của việc cung cấp dịch vụ đó bằng với chi phí biên và đảm bảo rằng không có “người ăn theo” (free rider). Sau đó, Oates (1993) cụ thể hóa thêm khi cho rằng mỗi dịch vụ công nên được cung ứng bởi cấp chính quyền kiểm soát khu vực địa lý tối thiểu trong đó có thể “nội hóa” được các lợi ích và chi phí khi cung cấp các dịch vụ này.

Nghiên cứu của Mello và Barenstein (2001) sử dụng dữ liệu bảng của 78 quốc gia từ năm 1980 đến năm 1992 đã cho thấy sự phân cấp tài khóa và quản trị công có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Bằng chứng thực nghiệm về tác động tích cực của phân cấp tài khóa cũng được tìm thấy tại Pasikan trong hai giai đoạn 1971-2005 và 1972-2009 (Malik & ctg, 2005; Faridi, 2011). Với bộ dữ liệu của 28 tỉnh tại Trung Quốc trong giai đoạn từ 1970

đến 1993, Lin và Liu (2000) cũng tìm thấy kết quả tương tự.

Các lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm ủng hộ việc phân cấp tài khóa đều cho rằng nhờ ở gần dân hơn so với chính quyền trung ương, chính quyền địa phương có thông tin tốt hơn về nhu cầu và ý muốn của người dân, đồng thời thấu hiểu hơn những điều kiện đặc thù của địa phương. Vì vậy, chính quyền địa phương có thể đáp ứng nhanh hơn và hiệu quả hơn trước các yêu cầu của người dân so với chính quyền trung ương (Ebel & Yilmaz, 2002). Ngược lại, vì người dân ở gần chính quyền địa phương nên tiếng nói của họ sẽ có tác động trực tiếp đến chính quyền địa phương trong quá trình sử dụng ngân sách nhà nước, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình (Dabla, 2006). Hơn nữa, việc thúc đẩy phân cấp tài khóa không những thúc đẩy cải thiện hiệu quả Pareto mà còn giảm sự bất bình đẳng về kinh tế giữa các địa phương (Ezcurra & Pasucal, 2008).

Tuy nhiên, bên cạnh đó, việc phân cấp tài khóa cũng có những điểm rủi ro đáng phải lưu ý, đặc biệt là khi phân cấp tài khóa quá mạnh mẽ (Morgan, 2002). Trước hết, đó là việc gia tăng bất bình đẳng về tài chính giữa các địa phương do việc thu thuế không tương xứng với quy mô chi tiêu của địa phương. Hai là, việc gia tăng phân cấp có thể tăng rủi ro trong quản lý nguồn lực địa phương (ADB, 2004).

Nghiên cứu của Roden (2002) cho rằng phân cấp tài khóa là tiêu cực, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển và các nền kinh tế đang chuyển đổi. Ông lập luận rằng các vấn đề thường đi kèm với phân cấp là thâm hụt ngân sách, tham nhũng, tác động của các nhóm lợi ích, gia tăng bất bình đẳng và cuối cùng là nền kinh tế giảm tăng trưởng. Sử dụng dữ liệu của 30 quốc gia, Mello (2000) khẳng định thất bại của việc phân cấp tài khóa là do thành kiến về thâm hụt tài khóa và quản trị công yếu kém, không đáp ứng các yêu cầu cơ bản của chính sách phi tập trung hóa. Nghiên cứu tại Nigeria của Philip và Isah (2012) cũng cho thấy phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi có tác động tiêu cực đến tăng trưởng.

Tại Việt Nam, bằng phương pháp ước lượng POLS, Hoàng Thị Chinh Thon và ctg (2010) cho rằng nguồn chi đầu tư cấp huyện cần được tăng cường, trong khi chi đầu tư cấp tỉnh nên giảm để thúc đẩy kinh tế địa phương. Nghiên cứu của Phạm Thế Anh (2008) thu thập số liệu từ 61 tỉnh, thành trong giai đoạn 2001-2005 cho thấy chi tiêu công cho đầu tư có tác động tích cực đến tăng trưởng.

3. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu

3.1 Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu dựa trên nền tảng nghiên cứu trước của Pose và Kroijer (2009), mô hình nghiên cứu tác động của phân cấp chi ngân sách đến tăng trưởng kinh tế được đề nghị như sau:

$$Y = \beta_1 \text{Pop} + \beta_2 \text{Inv} + \beta_3 \text{Fe} + \beta_4 \text{Fe}^2 + \beta_5 \text{Inf} + \beta_6 \text{Op} + \alpha \quad (1)$$

Bình phương của biến Fe được đưa vào mô hình nhằm xác định mối quan hệ phi tuyến giữa phân cấp chi ngân sách và tăng trưởng kinh tế. Tương tự như trên, để tìm hiểu tác động của phân cấp thu ngân sách đến tăng trưởng kinh tế, ta có mô hình.

$$Y = \beta_1 \text{Pop} + \beta_2 \text{Inv} + \beta_3 \text{Fr} + \beta_4 \text{Fr}^2 + \beta_5 \text{Inf} + \beta_6 \text{Op} + \alpha \quad (2)$$

Biến phụ thuộc (Y) được đo bằng log tự nhiên của GDP bình quân đầu người của tỉnh. Đây là biến đại diện cho tăng trưởng kinh tế.

Các biến độc lập được liệt kê dưới đây:

- Fe: biến đại diện phân cấp chi ngân sách, tỷ lệ % tổng chi ngân sách tỉnh/tổng chi ngân sách.

- Fr: biến đại diện phân cấp thu ngân sách, tỷ lệ % tổng thu ngân sách tỉnh/tổng thu ngân sách. Thu ngân sách không bao gồm các khoản hỗ trợ, chuyển giao từ trung ương cho các tỉnh/thành.

- Inv: biến đại diện cho đầu tư tư nhân, lấy log tự nhiên của vốn đầu tư tư nhân.

- Laf: là tỷ lệ lực lượng lao động

- Inf: là tỷ lệ lạm phát của tỉnh

- Op: biến đo lường độ mở thương mại của địa phương, là tỷ lệ của tổng kim ngạch

xuất nhập khẩu /GDP.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dựa vào mô hình nghiên cứu, tác giả thu thập số liệu theo năm cho 64 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong giai đoạn 1998 - 2012. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ ấn phẩm Tổng cục Thống kê. Do vậy, đảm bảo tính tin cậy về số liệu. Trong quá trình thu thập số liệu, nghiên cứu loại bỏ tỉnh Quảng Ngãi do không đảm bảo số liệu thu thập; ngoài ra, tỉnh Hà Tây và thủ đô Hà Nội được sáp nhập vào năm 2007, do đó tác giả đã hợp nhất hai bộ số liệu này. Như vậy, sau khi rà soát, bộ dữ liệu nghiên cứu có 930 quan sát (T=15; N=62)

3.3. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế, tác giả tiếp cận ước lượng hai mô hình (1) và (2) gồm: mô hình tác động cố định (FE) và mô hình tác động ngẫu nhiên (RE). Từ đó, dựa vào kiểm định Hausman để lựa chọn mô hình phù hợp.

Sự khác biệt giữa mô hình FE và RE:

FE: Với giả định mỗi thực thể đều có những đặc điểm riêng biệt có thể ảnh hưởng đến các biến giải thích, FE phân tích mối tương quan này giữa phần dư của mỗi thực thể với các biến giải thích qua đó kiểm soát và tách ảnh hưởng của các đặc điểm riêng biệt (không đổi theo thời gian) ra khỏi các biến giải thích để có thể ước lượng những ảnh hưởng thực của biến giải thích lên biến phụ thuộc.

RE: Mô hình hồi quy theo hình thức tiếp cận ảnh hưởng ngẫu nhiên. Ý tưởng của tiếp cận này cho rằng sự khác biệt về điều kiện đặc thù của các đơn vị chứa đựng trong sai số ngẫu nhiên. Đặc điểm riêng giữa các thực thể được giả sử là ngẫu nhiên và không tương quan đến biến giải thích.

4. Phân tích và thảo luận kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả thống kê mô tả

Kết quả thống kê mô tả đối với các biến nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 1. Đây là dữ liệu bảng cân đối, số quan sát trong dữ liệu nghiên cứu là 930 quan sát.

Bảng 1. Kết quả thống kê mô tả

STT	Tên biến	Ký hiệu	Số lượng	Min	Max	Mean	Std. Deviation
1	Tăng trưởng kinh tế	Y	930	6,7835	12,1543	8,7431	0,79961
2	Lực lượng lao động	Laf	930	83.723	122.18	102.32	3.7321
3	Đầu tư tư nhân	Inv	930	4.1913	11.598	7.4031	1.2454
4	Phân cấp chi ngân sách	Fe	930	0.1205	1.8876	0.53682	0.21931
5	Phân cấp thu ngân sách	Fr	930	0.0486	1.4576	0.3551	0.21607
6	Độ mở thương mại của tỉnh	Op	930	0,0006	7.774	0.645	0.982
7	Lạm phát	Inf	930	92.17	136.88	102.32	6.76

Xem xét vào biến phụ thuộc tăng trưởng kinh tế, nghiên cứu cho thấy tăng trưởng kinh tế dao động trong khoảng 6,7835% đến 12,1543% với độ lệch chuẩn là 0,79961%. Tăng trưởng kinh tế tại các tỉnh/thành tương đối không đồng đều, nó phản ánh thực tế tăng trưởng tại một số địa phương vượt trội hơn so với các tỉnh còn lại. Qua thống kê số liệu, các địa phương ở vùng Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ có thu nhập bình quân đầu người và tăng trưởng thu nhập cao nhất nước, kể đến là các địa phương vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Giá trị phân cấp chi ngân sách trong mẫu nghiên cứu có mức trung bình là 0.53% với độ lệch chuẩn là 0.21%; phân cấp thu ngân sách có mức trung bình là 0.35% với độ lệch chuẩn là 0.21%. Hầu hết các địa phương ở vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và Tây nguyên có mức phân cấp tài khóa bình quân đầu người cao nhất. Điều này phản ánh thực tế là các địa phương này không có điều tiết ngân sách về trung ương mà để lại các nguồn thu để cân đối ngân sách.

Chỉ số lạm phát cao nhất đạt giá trị 136.88%, thấp nhất đạt 92.17%, giá trị trung

bình trong giai đoạn nghiên cứu là 102.32%. Chỉ tiêu cuối cùng cũng tác động đến tăng trưởng kinh tế là độ mở thương mại. Độ mở thương mại đạt giá trị trung bình là 0.645%.

4.2. Kết quả phân tích hồi quy

Sau khi xem xét các biến trong mô hình nghiên cứu thông qua ma trận tương quan và kiểm tra hệ số nhân tử phóng đại (VIF), kết quả cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy Fixed Effect (FE) và Radom Effect (RE) để chọn lựa mô hình phân tích. Việc lựa chọn giữa hai mô hình FE và RE sẽ thông qua kiểm định Hausman. Ngoài ra, nghiên cứu dùng kiểm định Wald để kiểm định phương sai thay đổi trong mô hình FE và RE và kiểm định Wooldridge để kiểm định tự tương quan trong mô hình FE và RE.

Kết quả kiểm định Hausman của 02 trường hợp hồi quy cho thấy các hệ số Prob đều nhỏ hơn 0.05 (5%) nên phương pháp FE sẽ được sử dụng trong mô hình nghiên cứu.

Bảng 2. Kết quả kiểm định Hausman cho 2 mô hình

STT	Mô hình	Chi2	Prob.	Lựa chọn
1	Mô hình 1	37.24	0.0014	Fixed Effect
2	Mô hình 2	43.28	0.0001	Fixed Effect

Nguồn: Tính toán của tác giả

Kết quả kiểm định từ Bảng 3 cho thấy kiểm định Wald và kiểm định Woolridge có các hệ số Prob đều nhỏ hơn 0.05. Như vậy, các mô hình đều tồn tại hiện tượng phương sai

thay đổi và hiện tượng tự tương quan trong mô hình. Để khắc phục hiện tượng này, nghiên cứu sử dụng phương pháp GLS để ước lượng mô hình.

Bảng 3. Kết quả kiểm định Wald và kiểm định Woolridge

STT	Tên kiểm định	Mô hình	
		1	2
1	Phương sai thay đổi (Kiểm định Wald)	0.0000	0.0000
2	Tự tương quan (kiểm định Woolridge)	0.0029	0.0037

Nguồn: Tính toán của tác giả

Kết quả kiểm định được thể hiện trong bảng dưới

Bảng 4. Kết quả ước lượng cho hai mô hình

STT	Biến	Mô hình 1		Mô hình 2	
		Hệ số (Coef)	Giá trị P (P - value)	Hệ số (Coef)	Giá trị P (P - value)
1	Laf	0.032***	0.366	0.057**	0.115
2	Inv	0.052*	0.083	0.041**	0.388
3	Fe	(0.029)**	0.009		
4	Fe ²	(0.053)*	0.080		
5	Fr			0.103*	0.063
6	Fr ²			0.037**	0.084
7	Op	0.083	3.462	0.064	0.016
8	Inf	(0.021)**	-1.863	(0.172)*	-0.093
9	Cons	0.047***	0.006	0.033***	0.190

Ghi chú: *, **, *** tương ứng với mức ý nghĩa lần lượt là 10%, 5% và 1%

Nguồn: Tính toán của tác giả

Quan sát từ bảng trên ta nhận thấy: biến số đầu tư tư nhân (Inv) và biến lực lượng lao động (Laf) có tác động cùng chiều ở cả hai mô hình; biến số lạm phát (Inf) có tác động nghịch chiều ở cả hai mô hình. Ở mô hình 1, biến số

phân cấp chi ngân sách (Fe) và bình phương chi ngân sách (Fe²) có tác động nghịch chiều; ở mô hình 2, biến số phân cấp thu ngân sách (Fr) và bình phương thu ngân sách (Fr²) thì ngược lại. Ngoài ra, nghiên cứu chưa phát

hiện mối quan hệ giữa độ mở thương mại với tăng trưởng địa phương.

4.3. Thảo luận kết quả

Từ kết quả hồi quy trong bảng 4, nghiên cứu phân tích các biến có ý nghĩa trong mô hình nghiên cứu như sau:

Fe, Fe²: Biến này đo lường mức độ phân cấp chi ngân sách. Fe có ý nghĩa thống kê và quan hệ nghịch chiều đến tăng trưởng kinh tế. Khi nghiên cứu về tác động của phân cấp chi ngân sách Zang và Zou (2001) cũng đã cho thấy kết quả tương tự.

Ở mô hình (1) thì biến Fe² cũng có ý nghĩa thống kê và tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả này cho thấy mối quan hệ giữa phân cấp chi ngân sách tại Việt Nam dường như tuyến tính: tác động tiêu cực càng lớn hơn nếu quá trình phân cấp được đẩy mạnh. Điều này không ủng hộ quan điểm tác động của phân cấp ngân sách đến tăng trưởng kinh tế ở dạng phi tuyến, có hình chữ U ngược (Thieben, 2003).

Tỷ lệ chi của ngân sách địa phương trong tổng chi ngân sách nhà nước cũng không ngừng gia tăng từ 37.9% giai đoạn 1996-2000 lên 47.2% trong năm 2008 và chiếm hơn 50% giai đoạn 2009-2011. Đối với nền kinh tế Việt Nam, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thì quá trình phân cấp chi ngân sách đã xuất hiện những hạn chế như: quá trình phân cấp tràn lan, thiếu quy hoạch và phân tán dẫn đến chi tiêu quá nhiều gây thâm hụt ngân sách; chất lượng quy hoạch kém dẫn tới kém hiệu quả trong đầu tư công, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình thấp (Vũ Thành Tự Anh, 2012). Chính điều này đã dẫn đến xuất hiện hiện tượng đầu tư công lấn át đầu tư tư nhân, làm giảm tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây (Tô Trung Thành & Nguyễn Chí Dũng, 2011).

Fr, Fr²: Biến này đo lường mức độ phân cấp thu ngân sách. Fr có ý nghĩa thống kê và tác động cùng chiều đối với tăng trưởng kinh tế. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết luận của Faridi (2011).

Kết quả nghiên cứu phản ánh cấp chính quyền tỉnh/thành làm tốt công tác huy động

các nguồn thu từ các hoạt động kinh tế của địa phương và do đó dẫn tới tăng trưởng kinh tế của cả nước nói chung và tăng trưởng địa phương nói riêng. Tuy nhiên, theo Vũ Sỹ Cường (2013) tỷ lệ thu ngân sách của các địa phương đã tăng lên đáng kể trong thời gian gần đây không xuất phát từ việc thay đổi trong phân cấp tài khóa theo hướng để lại nguồn thu nhiều hơn cho các địa phương mà là do các địa phương tập trung khai thác các nguồn thu được để lại 100% như nguồn thu từ bất động sản, xổ số kiến thiết, các nguồn thu từ chuyên quyền sử dụng đất. Sự phụ thuộc rất lớn vào nguồn thu từ bất động sản rất dễ làm cho các địa phương rơi vào “căn bệnh Hà Lan”.

Inf: Nghiên cứu này cho thấy tỷ lệ lạm phát trong thời gian vừa qua tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Kết quả nghiên cứu phù hợp với Sahamiz & Motama (2007). Tác động trái chiều của biến này đối với tăng trưởng kinh tế cho thấy tăng trưởng kinh tế cao và bền vững chỉ có thể đạt được trong môi trường lạm phát thấp và ổn định, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư quyết định đầu tư dài hạn.

Kết quả nghiên cứu này phù hợp với thực tế của Việt Nam trong những năm qua. Lạm phát là vấn đề dai dẳng, nhức nhối làm tổn thương đến nền kinh tế. Ngoại trừ giai đoạn 2000-2003 khi lạm phát ổn định thì tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam thường xuyên cao hơn và kéo dài lâu hơn so với các quốc gia trong cùng khu vực.

Ngoài ra, nghiên cứu còn phát hiện lao động đóng góp tích cực đến tăng trưởng kinh tế địa phương với mức ý nghĩa 5%; vốn đầu tư tư nhân tác động cũng có tác động tương tự với mức ý nghĩa 1%. Tuy nhiên, nghiên cứu chưa phát hiện mối quan hệ giữa độ mở thương mại với tăng trưởng địa phương.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Mục tiêu của bài nghiên cứu là tìm hiểu mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Bằng phương pháp GLS cho dữ liệu bảng của 62 tỉnh/thành tại Việt Nam trong giai đoạn 1998-2012, nghiên cứu tiến hành phân tích tác động phân cấp tài khóa lên tăng trưởng kinh tế dựa trên mô hình tăng trưởng tân cổ điển. Các kết quả

chính được phát hiện như sau:

- Các biến lực lượng lao động và đầu tư tư nhân có hiệu ứng cùng chiều đối với tăng trưởng kinh tế địa phương

- Phân cấp chi ngân sách tương quan nghịch chiều đối với tăng trưởng trong khi đó phân cấp thu ngân sách thì ngược lại

- Lạm phát có tương quan nghịch chiều đối với tăng trưởng và tác động của độ mở thương mại không có ý nghĩa thống kê.

Các hàm ý chính sách rút ra từ kết quả nghiên cứu là: *thứ nhất*, về phân cấp chi ngân sách, cần hoàn thiện, đổi mới phân cấp chi ngân sách. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối quan hệ tiêu cực giữa phân cấp chi ngân sách và tăng trưởng tại Việt Nam. Thực tiễn đã minh chứng điều này. Để khắc phục tình trạng này, nên quy định kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, đầu tư công; phải chuyển việc chi tiêu công theo các yếu tố đầu vào sang chi tiêu theo các mục tiêu, kết quả đầu ra. Tiên hành xây dựng khuôn khổ chi tiêu trung hạn (MTEF) để phân bổ các nguồn lực hợp lý cho các chương trình, dự án ưu tiên trong đời sống xã hội; áp dụng

hệ thống giám sát và chi tiêu công (M&E) vào chi ngân sách.

Thứ hai, chính quyền cấp tỉnh/thành nên sử dụng tốt, hiệu quả các nguồn thu được phân cấp, có biện pháp để bồi dưỡng nguồn thu. Để có sự phát triển ổn định và bền vững, các địa phương cần giảm dần sự phụ thuộc của ngân sách vào các nguồn thu có được từ đất đai.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu đã chứng minh lạm phát có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Để kiểm soát chặt chẽ lạm phát cần nâng cao vai trò độc lập của ngân hàng trung ương trong điều hành chính sách tiền tệ; công khai, minh bạch cập nhật các chính sách tiền tệ, áp dụng chính sách lạm phát mục tiêu.

Thứ tư, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình về tài khóa ở cấp địa phương, việc đẩy mạnh phân cấp tài khóa chỉ có thể đạt được mục tiêu mong muốn nếu được gắn liền với tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Cần có cơ chế thích hợp để tăng cường tính minh bạch, công khai trong quản lý ngân sách; tăng tính hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền nhằm bảo đảm tính hiệu quả của ngân sách nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ADB 2004. *Phục vụ và duy trì: Cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.
- Bạch Thị Minh Huyền & Hanai, K. 2006. *Revenue Assignment between the central and local budgets in Vietnam*, Ministry of Finance Vietnam.
- Baskaran, T & Feld, L. P 2009. Fiscal decentralization and economic growth in OECD countries: is there a relationship? *CESIFO Working paper*.
- Davey, K. 2003. *Fiscal Decentralization*, Open Society Institute Budapest.
- Davoodi, H & Zou, H. 1998. Fiscal decentralization and economic growth: a cross country study, *Journal of Urban Economics*, 43.
- Ebel, R & Yilmaz, S. 2002. On the measurement and impact of fiscal decentralization, *Policy Research Working paper 2809*.
- Ezcurra, R & Pascual, P. 2008. The link between fiscal decentralization and regional disparities: Evidence from several European Union countries, *Environment and Planning A*, 40.

- Faridi, M 2011. Contribution of fiscal decentralization to economic growth: Evidence from Pakistan, *Pakistan Journal of Social Sciences*.
- Hoàng Thị Chinh Thon & ctg 2010. Tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam, Trung tâm nghiên cứu kinh tế và chính sách
- Innocents 2011. Fisical Decentralization: A local solution to recovery from global recession, *Procedia Social and Behavioral Sciences*, 24, 138-148
- Iimi, A 2005. Decentralization and economic growth revisited: an empical note, *Journal of Urban Economics*.
- Lin,Y & Liu,Z 2000. Fiscal decentralization and economic growth in China, *Economic Development and Cultural change*.
- Malik. S & ctg 2006. Fiscal decentralization and economic growth in Pasikan, Department of Economics Bahauddin Zakariya Unviersity.
- Mello, Jr, L 2000. Fiscal decentralization and intergovernmental fiscal relation: A cross coutry analysis, *World Development*, 28.
- Mello, Jr, L & Barenstien, M 2001. Fiscal decentralization and governance: a cross country analysis, *IMF Working paper*.
- Morgan, K 2002. The English question: regional perspectives on a fratured nation, *Regional Studies*, 36, 797-810.
- Oates, W 1993. Fiscal decentralization and economic development, *National Tax Journal*.
- Olson, M 1969. The prinipl of fiscal equivalence: The divison of responsibilities among different levels of government”, *American Economic Review*, 59.
- Phạm Thế Anh 2008. Phân tích cơ cấu chi tiêu chính phủ và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, Trung tâm nghiên cứu kinh tế và chính sách.
- Philip, A.T & Isah, S. 2012. An analysis of the effect of fiscal dencentralization on economic growth in Nigeria, *International Journal of Humanities and Social Science*.
- Rodden, J.2004. Comparative federalism and decentralization: on meaning and measurement, *Comparative Politics*, 36
- Stliger, F 1957. *The tenable range of local functions*.
- Thieben, U 2003. Fiscal decentralization and economic growth in high-income OECD countries, *Fiscal Studies*, 24.
- Tô Trung Thành & Nguyễn Chí Dũng 2011. *Từ bất ổn vĩ mô đến con đường tái cơ cấu nền kinh tế*, Nhà xuất bản Tri thức.
- Vũ Sỹ Cường 2013. Cân đối ngân sách và kỷ luật tài khóa, *Báo cáo kinh tế vĩ mô 2103: Thách thức còn ở phía trước*, Nhà xuất bản Tri thức.
- Vũ Thành Tự Anh 2012. *Phân cấp quản lý kinh tế ở Việt Nam: nhìn từ góc độ thể chế*, Chương trình giảng dạy kinh tế Fullbright.
- Zang, T & Zou, H 2001. Fiscal decentralization, public spending and economic growth in China, *Journal of Public Economics*, 67.